

Các công cụ giảm rủi ro nông nghiệp và điều kiện sử dụng công cụ trong quá trình gia nhập WTO*

PHẠM SỸ AN

Trong quá trình hội nhập WTO, việc trợ giá cho nông dân hay quá trình trợ giúp khác bị hạn chế rất nhiều. Việc gia nhập WTO hay không không có nghĩa là rủi ro trong nông nghiệp sẽ tăng hay giảm, mà chỉ ngụ ý việc giúp đỡ trực tiếp hay gián tiếp của chính phủ sẽ bị hạn chế và người nông dân phải trực tiếp gánh chịu toàn bộ rủi ro hoặc tìm cách đẩy rủi ro ra bên ngoài. Bài viết cố gắng đưa ra các công cụ để giảm rủi ro trong nông nghiệp trong quá trình gia nhập WTO khi mà sự can thiệp của chính phủ vào quá trình sản xuất và thương mại nông nghiệp bị giảm thiểu và các điều kiện cần thiết để có thể vận dụng được các công cụ.

Rủi ro trong nông nghiệp phân làm 2 loại: rủi ro công nghệ và rủi ro giá cả.

Rủi ro công nghệ xảy ra do thời tiết thay đổi bất lợi, dịch bệnh hay sâu bệnh phá hoại mùa màng. Loại rủi ro này thường làm giảm sản lượng trong nông nghiệp.

Rủi ro giá cả do giá cả thay đổi thất thường trên thị trường quốc tế. Giá cả được quyết định bởi cung và cầu trên thị trường. Bài viết tập trung chủ yếu vào rủi ro giá cả.

Rủi ro giá cả có thể được tính bằng độ lệch chuẩn của giá cả trong một thời kỳ nào đấy. Nếu độ lệch chuẩn càng lớn thì mức độ rủi ro càng cao và ngược lại, nếu độ lệch chuẩn càng nhỏ thì mức độ rủi ro thấp, bởi lúc này giá cả biến động với biên độ nhỏ hơn và thu nhập cũng như chi tiêu của người nông dân dễ dự đoán hơn.

Trong nông nghiệp, một vấn đề thường xảy ra là: khi được mùa người nông dân có lợi nhuận thấp, còn khi mất mùa thì ngược lại lợi nhuận cao hơn. Khi được mùa, sản lượng trên thị trường gạo tăng lên trong khi nhu cầu giả sử không đổi thì giá sẽ giảm, các nhà

kinh tế gọi hiện tượng này là *tăng trưởng gây bền cùng hóa*¹ (Đặng Như Vân, 2003), nghĩa là khi sản lượng tăng lên thu nhập giảm. Quy luật King được Gregory King (1684-1712) phát hiện rằng: "Đối với đa phần sản phẩm nông nghiệp, cầu nói chung thuộc loại không co giãn theo giá, do đó những vụ mùa bội thu dẫn đến sự sụt giảm tổng thu nhập của nông dân... nếu thiếu chính sách can thiệp của chính phủ" (Đình Phi Hồ, 2003). Như vậy, phải chăng nếu thiếu bàn tay của chính phủ, thu nhập của nông dân sẽ sụt giảm khi sản lượng nông nghiệp tăng.

Khi gia nhập WTO, theo quy tắc của trò chơi, chính phủ không được hoặc hạn chế tối đa những can thiệp trực tiếp vào quá trình sản xuất và buôn bán nông sản, rủi ro của nông dân không thể đẩy vào tay chính phủ và càng không thể chuyển từ tay người này sang tay người khác khi mà những rủi ro vẫn còn quanh quẩn trong phạm vi đất nước. Tuy nhiên, có hai cách giảm thiểu rủi ro cho người nông dân: (1) san sẻ rủi ro, (2) đẩy rủi ro ra thị trường thế giới. Cách thứ nhất có thể được thực hiện thông qua trợ cấp của chính

Phạm Sỹ An, Viện Kinh tế Việt Nam.

* Bài viết này là sự tiếp nối bài viết của ba tác giả Chử Văn Lâm, Nguyễn Thắng, Nguyễn Văn Hoàn (2001) trong Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế số 283 với tiêu đề "Rủi ro và quản lý rủi ro trong nông nghiệp". Bài viết nhằm củng cố đầy đủ hơn trong quản lý rủi ro nông nghiệp, đặc biệt trong giai đoạn mới khi Việt Nam chuẩn bị gia nhập WTO với những quy tắc mới. Thiết nghĩ, đây là một điều bình thường trong khoa học khi có sự tiếp nối và phát triển bài viết của các tác giả đi trước. Tuy nhiên bài viết phát triển một khía cạnh nào đấy trong việc giảm thiểu rủi ro trong nông nghiệp trước khi rủi ro xảy ra.

1. Thuật ngữ này xuất phát từ Kaptlinsky, R., (2002), "Globalization and Unequalization: What Can be Learned from Value Chain Analysis?".

phủ, chính phủ trợ cấp bằng ngân sách và do đó rủi ro được san sẻ cho tất cả mọi người thông qua đóng thuế. Cách thứ nhất sẽ ít hy vọng được thực hiện khi quy tắc của trò chơi trong WTO bắt đầu có hiệu lực. Cách thứ hai được hy vọng thực hiện khi có đủ những điều kiện cần thiết (điều kiện cần thiết sẽ được phân tích ở phần dưới của bài báo). Kỹ thuật và trình tự để giảm rủi ro thông qua cách thứ hai rất phức tạp; quả thực, điều này vượt ra ngoài tầm kiểm soát hay sự hiểu biết của một cá nhân người nông dân. Để thông qua cách thứ hai, người nông dân cần được sự hậu thuẫn của một tổ chức có trình độ và tầm nhìn trên phạm vi toàn thế giới, tổ chức có thể là một doanh nghiệp hay một hợp tác xã. Bài viết tập trung vào quy trình kỹ thuật được đơn giản hóa của việc giảm rủi ro trong giá cả nông nghiệp thông qua cách thứ hai, sau đó sẽ đưa ra những điều kiện nhằm thực hiện đầy đủ rủi ro ra khỏi đất nước thông qua cách này.

Công cụ dẫn xuất

Dẫn xuất tài chính (financial derivatives) là những công cụ nhằm giảm thiểu hoặc loại bỏ hoàn toàn rủi ro. Các công cụ thường được sử dụng nhất là: hợp đồng kỳ hạn (forward contracts), hợp đồng tương lai (future contracts), quyền chọn (options), và hợp đồng đánh đổi (swaps). Mặc dù đây là những công cụ được sử dụng nhiều trên thị trường tài chính, chúng vẫn thường được dùng trên thị trường hàng hóa, đặc biệt đối với sản phẩm nông nghiệp và về mặt nguyên tắc hoàn toàn giống nhau. Các công cụ này thường nhằm giảm thiểu rủi ro trong ngắn hạn, tuy nhiên về dài hạn, rủi ro sẽ không còn nữa khi mà những người nông dân sẽ không tiếp tục cuộc chơi. Hay nói cách khác, về mặt lý thuyết, không một nhà sản xuất nào tham gia sản xuất nữa khi rủi ro luôn bám theo họ và họ luôn gặp sự mất mát (loss), có nghĩa là thu nhập biên luôn thấp hơn chi phí biên.

Hợp đồng kỳ hạn

Hợp đồng kỳ hạn là những thoả thuận giữa hai bên tham gia nhằm mục đích trao

đổi hàng hóa tại một thời điểm trong tương lai.

Về cơ bản, hợp đồng kỳ hạn cần bao gồm 4 nội dung: (1) Chỉ định hàng hóa cụ thể được trao đổi trong tương lai, (2) Khối lượng và chất lượng hàng hóa (tấn, kg,...), (3) Giá cả hàng hóa tại thời điểm trao đổi (USD/tấn), và (4) Ngày hàng hóa được trao đổi trong tương lai.

Hợp đồng kỳ hạn xảy ra khi bên bán kỳ vọng giá sản phẩm sẽ giảm trong tương lai và bên mua kỳ vọng giá sẽ tăng trong tương lai. Nếu giá hàng hóa nông nghiệp tại thời điểm xác định thấp hơn giá đặt trước tại thời điểm mua và bán hợp đồng, bên bán hàng hóa được coi là thu được lợi nhuận. Còn nếu vào thời điểm trong tương lai, giá thị trường quốc tế cao hơn giá đã đặt tại thời điểm mua và bán hợp đồng, bên bán hàng hóa được coi là mất lợi nhuận. Như vậy, hợp đồng kỳ hạn được thiết lập do hai bên có kỳ vọng khác nhau.

Ưu điểm của hợp đồng kỳ hạn là có thể được thiết kế một cách linh hoạt tùy thuộc vào sự thoả thuận của hai bên. Tuy nhiên, hợp đồng kỳ hạn có 2 nhược điểm, đó là (1) Thiếu tính lỏng (lack of liquidity), bên bán rất khó tìm được đối tác có cùng sở thích với mình, nếu có tìm được thì hợp đồng kỳ hạn rất dễ bị đối tác ép giá do khả năng tìm kiếm thêm một đối tác trên thị trường đòi hỏi chi phí cao, (2) Rủi ro vỡ nợ (default risk), khi giá sản phẩm nông nghiệp trên thị trường quốc tế tại thời điểm trao đổi trong tương lai thấp hơn rất nhiều giá đã thoả thuận, bên đối tác có thể từ chối hợp đồng và rủi ro vỡ nợ xảy ra. Trong trường hợp này, bên bán có thể kiện bên đối tác ra toà; tuy nhiên, thời gian giải quyết có thể kéo dài và chi phí rất lớn. Hơn nữa, trong trường hợp của Việt Nam, việc theo kiện có lẽ là một khó khăn do hạn chế về trình độ hiểu biết luật pháp quốc tế, đặc biệt trên thị trường tài chính quốc tế và chi phí. Đây là một bức tường làm nản lòng những người đại diện cho người nông dân trong việc làm giảm hay xoá bỏ hoàn toàn rủi

ro. Việc thực hiện được một hợp đồng kỳ hạn lúc này có lẽ là uy tín của bên đối tác, ngoài ra không một tổ chức nào đứng ra đảm bảo quyền thực hiện hợp đồng. May mắn là hợp đồng kỳ hạn có thể được thay thế bởi hợp đồng tương lai sẽ được đề cập dưới đây.

Hợp đồng tương lai (Future Contracts)

Hợp đồng tương lai tương tự hợp đồng kỳ hạn ở những điểm như, (1) Chỉ định rõ loại hàng hóa nào được trao đổi; (2) Chỉ định ngày trao đổi trong tương lai. Tuy nhiên, hợp đồng tương lai làm cho các bên tham gia giảm bớt sự lo lắng về tính lỏng và rủi ro vỡ nợ.

Hợp đồng tương lai khắc phục những vấn đề cố hữu gắn liền với hợp đồng kỳ hạn thông qua một số đặc điểm sau: (1) Khối lượng và ngày phân phát chỉ định được chuẩn hóa, làm các bên tham gia có thể tương thích nhau trong thị trường tương lai (futures market), điều này tăng tính lỏng trong thị trường tương lai. Chẳng hạn, 100 tấn gạo với trị giá 200 USD/tấn được phân phối vào các ngày đầu tháng ba, tháng bốn, và tháng năm; (2) Sau khi hợp đồng tương lai được thiết lập, chúng có thể được trao đổi trên thị trường cho đến ngày đáo hạn, đặc điểm này, lần nữa, tăng tính lỏng của hợp đồng tương lai so với hợp đồng kỳ hạn; (3) Các bên tham gia hợp đồng tương lai không trực tiếp tạo ra hợp đồng mà thông qua các *hãng môi giới* (brokerage firms). Hãng môi giới thường là một ngân hàng có uy tín và các bên tham gia không phải lo lắng nhiều về rủi ro vỡ nợ (default risk) khi một bên nào đó không thực hiện theo đúng cam kết trong hợp đồng. Thông thường, mỗi bên phải đặt một khoản tiền cố định vào *hãng môi giới* gọi là *yêu cầu dự trữ* (margin requirement) vào *tài khoản dự trữ* (margin account) của họ². Như vậy, hai đặc điểm đầu của hợp đồng tương lai làm tăng tính lỏng và đặc điểm thứ ba làm giảm rủi ro vỡ nợ.

Hợp đồng kỳ hạn và hợp đồng tương lai còn làm giảm hoặc loại bỏ *rủi ro tỷ giá hối đoái* (foreign exchange risk). Rủi ro tỷ giá hối đoái là vấn đề thường gặp trong thương mại quốc tế, khi mà tỷ giá dao động lên xuống không

thể đoán trước với biên độ lớn. Rủi ro tỷ giá hối đoái được đo bằng độ lệch chuẩn, độ lệch chuẩn càng lớn phản ánh mức độ rủi ro càng cao, và lúc này các hợp đồng kỳ hạn và hợp đồng tương lai là cần thiết nhằm đảm bảo quyền lợi các bên tham gia. Chẳng hạn, khi Việt Nam xuất khẩu gạo sang Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên với giá trị 250000 USD được cam kết thanh toán sau 3 tháng kể từ khi nhận hàng. Nếu giá trị đồng đô la tăng so với đồng Việt Nam thì bên Việt Nam được lợi; tuy nhiên, một chính sách nào đó của tổng thống Bush phá giá đồng đô la nhằm tăng xuất khẩu của nước Mỹ và đồng đô la có xu hướng yếu hơn đồng Việt Nam, lúc này bên Việt Nam sẽ không được lợi. Trong tương lai, khi Việt Nam có đủ điều kiện cần thiết thì việc tham gia thị trường kỳ hạn và thị trường tương lai nhằm giảm rủi ro giá cả nông nghiệp là không thể thiếu được.

Quyền chọn (options)

Một công cụ khác để giảm rủi ro là quyền chọn. *Quyền chọn* là những hợp đồng đưa cho người mua quyền, quyền mua hoặc bán một loại hàng hóa nào đó tại giá cả chỉ định gọi là giá thực hiện (exercise price) trong một khoảng thời gian đến ngày đáo hạn (the term to expiration). Người bán quyền chọn có bốn phân mua hoặc bán loại hàng hóa xác định theo yêu cầu bán hoặc mua của người sở hữu quyền chọn. Người bán quyền chọn được gọi là người bán hay người viết (seller hay writer), người mua quyền chọn gọi là người mua hay người sở hữu (purchaser hay owner). Người mua có quyền thực hiện hay không thực hiện quyền chọn.

Có hai loại hợp đồng quyền chọn (option contracts): *quyền chọn theo kiểu Mỹ* (American options) có thể thực hiện tại bất kỳ thời gian nào cho tới ngày đáo hạn của hợp đồng; *quyền chọn theo kiểu châu Âu* (European options) chỉ thực hiện hợp đồng tại ngày đáo hạn.

2. Có thể xem chi tiết hai bên tham gia hợp đồng tương lai như thế nào thông qua trung gian từ Mishkin. F & Eakins. S (2003), Financial Markets + Institutions (4th edn), Electronic Publishing Service Inc., New York.

Có hai loại quyền chọn: (1) *quyền chọn mua* (call option) là loại hợp đồng cho phép người sở hữu quyền để mua một loại hàng hóa nào đấy tại giá thực hiện trong khoảng thời gian chỉ định, (2) *quyền chọn bán* (put option) là loại hợp đồng cho phép người sở hữu quyền để bán một loại hàng hóa tại giá thực hiện trong khoảng thời gian chỉ định. Để nhận được các quyền này, người mua phải trả một khoản phí nào đấy gọi là *tiền thưởng* (premium).

Trong trường hợp hàng hóa nông nghiệp của Việt Nam, quyền chọn bán theo kiểu Mỹ có lẽ là phù hợp trong việc phòng ngừa rủi ro (hedging risk) hơn là quyền chọn bán kiểu châu Âu. Bởi vì, thu hoạch nông sản thường có mùa vụ và giá cả thường thay đổi nhanh chóng trong giai đoạn từ khi sản xuất cho đến khi bán, biên độ dao động có thể lớn, do đó quyền chọn bán kiểu Mỹ có thể tạo thuận lợi cho Việt Nam khi thực hiện *quyền* tại thời điểm phù hợp với quy trình sản xuất và chế biến hàng nông sản.

Có hai sự khác nhau giữa hợp đồng tương lai và hợp đồng quyền chọn: (1) khi hợp đồng tương lai được mua, nhà đầu tư phải đặt một khoản tiền cố định gọi là *yêu cầu dự trữ* vào *tài khoản dự trữ*; trong khi đó hợp đồng quyền chọn được mua khi nhà đầu tư phải chịu một khoản phí gọi là *tiền thưởng* (premium) cho người bán hợp đồng, (2) hợp đồng tương lai yêu cầu tiền được thay đổi hàng ngày khi hợp đồng tham gia trong thị trường, còn hợp đồng quyền chọn yêu cầu tiền thay đổi khi đến ngày thực hiện.

Những nhân tố ảnh hưởng đến tiền thưởng có thể được liệt kê như sau: (1) khi giá thực hiện cao hơn, tiền thưởng của quyền chọn mua thấp hơn và tiền thưởng của quyền chọn bán cao hơn với điều kiện mọi nhân tố khác không đổi, (2) thời gian đáo hạn dài hơn, tiền thưởng cao hơn cho cả quyền chọn bán và quyền chọn mua với điều kiện mọi thứ khác không đổi, (3) giá cả biến đổi lớn hơn, tiền thưởng cao hơn cho cả quyền chọn bán và quyền chọn mua với điều kiện mọi thông số khác không đổi.

Một công cụ khác nữa để ngăn cản rủi ro có thể được sử dụng trong thị trường hàng hóa quốc tế là *sự hoán đổi hàng hóa* (commodity swaps) và sẽ được gọi tắt là *swaps*.

Sự hoán đổi hàng hóa (Commodity swaps)

Trong một swaps điển hình, một bên (gọi là bên thứ nhất) thực hiện công việc thanh toán định kỳ cho bên đối tác (gọi là bên thứ hai) tại giá cố định cho mỗi đơn vị khối lượng ước định hàng hóa nào đấy. Bên đối tác phải trả cho bên thứ nhất giá thả nổi hay giá thay đổi (floating price) cho khối lượng ước định của hàng hóa đó. Những hàng hóa thường giống nhau và giá thả nổi thường được định nghĩa như giá trung bình (average price). Giá trung bình được tính dựa trên giá tại chỗ (spot price) qua một thời gian định trước.

Chẳng hạn như trong giao dịch cà phê, giá cà phê tại chỗ hiện thời là 36,20 USD mỗi tấn. Công ty Wal Mark ở Mỹ đồng ý thực hiện những thanh toán hàng tháng cho phía Việt Nam hay người buôn swaps (swap dealer) tại giá 36,30 USD mỗi tấn với khối lượng ước định là 3.500 tấn. Bên Việt Nam đồng ý trả cho công ty Wal Mark giá cà phê trung bình hàng ngày ở tháng trước.

Để có thể giảm thiểu rủi ro giá cả nông nghiệp bằng các công cụ đã nêu, Việt Nam cần có các điều kiện cần thiết về: (1) chính sách quản lý ngoại hối, (2) từ bỏ những biện pháp phi thị trường kém hiệu quả, (3) kiến thức tốt về tài chính, (4) cơ sở hạ tầng phục vụ cho việc vận chuyển và kho chứa. Các điều kiện này hiện tại có thể chưa xuất hiện; tuy nhiên, trong tương lai cần phải thiết lập để có khả năng vận dụng các công cụ phù hợp với nguyên tắc thị trường và nguyên tắc của WTO.

Các điều kiện để có thể vận dụng những công cụ dẫn suất:

• Chính sách quản lý ngoại hối

Chính sách quản lý ngoại hối bao gồm cơ chế thiết lập tỷ giá hối đoái và tính luân chuyển của dòng ngoại tệ. Chính sách quản lý ngoại hối đề cập đến trong phạm vi bài viết có thể hạn chế khả năng chi trả của các

bên tham gia hợp đồng trên thị trường quốc tế. Do đó, một chính sách quản lý ngoại hối thích hợp sẽ khuyến khích phần nào việc sử dụng công cụ phái sinh trong quá trình giảm thiểu rủi ro.

Về chính sách tỷ giá hối đoái, Ngân hàng Nhà nước "Đã tôn trọng qui luật hoạt động của thị trường bằng việc qui định các ngân hàng thương mại được phép giao dịch ngoại tệ trên biên độ $\pm 0,1\%$ so với tỷ giá đóng cửa trên thị trường liên ngân hàng của ngày giao dịch gần nhất" (Phạm Chí Quang & Nguyễn Việt Cường, 1999). Sự dịch chuyển từ chế độ tỷ giá cố định sang chế độ tỷ giá neo vào rổ ngoại tệ làm giảm thiểu những tác động tiêu cực của các ngoại tệ chính ngụ ý rằng rủi ro ngoại hối giảm bớt phần nào trong thanh toán quốc tế.

Về quản lý dòng ngoại hối, Ngân hàng Nhà nước vẫn tích cực quản lý chặt chẽ, mặc dù điều này chưa chắc đã hiệu quả trong việc quản lý dòng ngoại tệ, khi mà dòng ngoại tệ ngầm vẫn tiếp tục chảy ra ngoài do sự yếu kém cố hữu trong hệ thống tài chính. Hơn nữa, hội nhập WTO cũng có nghĩa là Chính phủ cam kết xoá bỏ dần những cản trở trong cân cân tài khoản vốn và tiến tới thực hiện tự do hoàn toàn trên cân cân tài khoản vốn.

Gia nhập WTO có thể là điều kiện làm cho cơ chế tỷ giá hối đoái và quản lý dòng ngoại tệ trên cân cân tài khoản vốn và tài khoản vãng lai tự do hơn, điều này làm tăng khả năng tiếp cận đến các công cụ phái sinh trong giảm thiểu rủi ro giá cả sản phẩm nông nghiệp thực thi hơn.

• Từ bỏ những biện pháp phi thị trường

Những biện pháp phi thị trường trải qua thời gian và không gian (qua các nước đang phát triển) đều tỏ ra có hiệu quả hạn chế. Các biện pháp phi thị trường như cấu kết giữa các nhà sản xuất quốc tế nhằm hạn chế sản lượng và bình ổn giá cả (còn được gọi bằng một cái tên hay hơn, đó là các thoả thuận quốc tế về qui mô cung ứng), mua tạm trữ (chẳng hạn, chương trình mua tạm trữ tại Việt Nam ra đời nhằm trợ giá nông sản

như hỗ trợ lãi suất vay để thu mua nông sản và quy định giá sàn, nhưng người nông dân vẫn chịu những thiệt hại lớn do rủi ro giá cả, điều này do những yếu kém trong cơ chế quản lý: giao cho doanh nghiệp nhà nước độc quyền thực hiện nhưng thiếu phương tiện quản lý³). Mặc dù việc sử dụng công cụ phi thị trường được chứng minh trong thực tế là kém hiệu quả trong việc ngăn cản rủi ro (hedging risk), nhưng nếu tồn tại nó sẽ hạn chế động lực phát triển công cụ mới phù hợp với nguyên tắc thị trường. Hay nói cách khác, việc loại bỏ các công cụ phi thị trường sẽ khuyến khích các tổ chức (doanh nghiệp nhà nước, tư nhân hay hợp tác xã) tìm kiếm những công cụ mới giải quyết vấn đề rủi ro giá cả trong nông nghiệp.

Những công cụ phi thị trường dưới sự bảo hộ của nhà nước sẽ "bốc hơi"⁴ khi Việt Nam gia nhập WTO và như vậy, điều kiện từ bỏ những biện pháp phi thị trường cũng như điều kiện tự do hóa ngoại hối sẽ tự động thoả mãn trong tương lai khi Việt Nam gia nhập WTO.

• Trang bị kiến thức tốt về tài chính

Xét ở tầm vĩ mô, hệ thống tài chính của Việt Nam được đánh giá là yếu, đặc biệt trong lĩnh vực tài chính quốc tế. Xét ở tầm vi mô, điều này còn thể hiện rõ hơn trong hệ thống doanh nghiệp nói chung và đặc biệt đúng trong các doanh nghiệp tham gia trong lĩnh vực nông nghiệp. Để đáp ứng điều kiện này, Chính phủ cần có biện pháp hỗ trợ xây dựng nên một doanh nghiệp đủ tầm cỡ và kiến thức tài chính quốc tế cần thiết trước khi gia nhập WTO, nhằm liên kết với những hộ nông dân cá thể bảo vệ rủi ro giá cả nông nghiệp trong thị trường quốc tế đầy bất trắc.

Có lẽ, điều kiện này sẽ được thoả mãn dưới sức ép của hội nhập kinh tế quốc tế và

3. Báo cáo kinh tế năm (2002).

4. Thuật ngữ "bốc hơi" được dùng ở đây mang ý nghĩa: sự can thiệp của nhà nước bằng các công cụ phi thị trường và không phù hợp với cam kết của WTO sẽ được gỡ bỏ dần dần.

nỗ lực cố gắng từ phía Chính phủ và doanh nghiệp.

• Điều kiện cơ sở hạ tầng

Điều kiện cơ sở hạ tầng nhằm đáp ứng sự khác biệt về mặt thời gian khi thực hiện các hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai hay hợp đồng quyền chọn. Chẳng hạn khi thực hiện hợp đồng kỳ hạn, thời gian giao hàng với một khối lượng cụ thể vào ngày 1 tháng 6. Tuy nhiên, sự dàn trải sản xuất giữa hai vùng rộng lớn là đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long có thể làm cho thời gian thu hoạch sớm tại một số địa điểm. Lúc này, công đoạn bảo quản và kho chứa là rất quan trọng nhằm gìn giữ chất lượng sản phẩm theo đúng yêu cầu của hợp đồng kỳ hạn và đợi đến ngày đáo hạn hợp đồng.

Lấy một ví dụ cụ thể về gạo của Việt Nam. So với Thái Lan, hệ thống phối hợp tối ưu sản xuất - chế biến - kho tàng - cảng khẩu không đồng bộ dẫn đến chất lượng gạo không đều, thời gian giao hàng thường chậm và chi phí lưu thông cao (Nguyễn Trung Văn, 2001). Trong thị trường quốc tế, không đảm bảo chất lượng gạo và giao hàng đúng kỳ hạn sẽ gây ra những bất lợi lớn trong khả năng cạnh tranh cũng như khả năng ngăn chặn rủi ro trong nông nghiệp. Những tồn tại về công nghệ sau thu hoạch cần sớm giải quyết nhằm tránh hiện tượng *mất mùa trong nhà*⁵ và nâng cao khả năng cạnh tranh và ngăn chặn rủi ro cho sản phẩm nông nghiệp.

Như vậy, điều kiện này cũng như điều kiện về cơ sở hạ tầng sẽ được thoả mãn dưới sức ép của cạnh tranh trên thị trường quốc tế và nỗ lực của các doanh nghiệp cũng như bản thân người nông dân trong quá trình hội nhập WTO.

Kết luận. Các công cụ phi thị trường kém hiệu quả nhằm tối thiểu hóa rủi ro sẽ dần dần bị loại bỏ, thay vào đó là các công cụ tài chính ngăn chặn rủi ro phù hợp với cơ chế kinh tế thị trường và phù hợp với những nguyên tắc của WTO về bảo hộ. Tuy nhiên, để sử dụng được những công cụ đã nêu thì các điều kiện đi kèm với nó cần được thoả mãn. Hai điều kiện đầu sẽ tự động được đáp ứng khi gia nhập WTO và hai điều kiện sau cần nỗ lực đáng kể từ phía Chính phủ, các doanh nghiệp và bản thân người nông dân dưới sức ép của cạnh tranh và dưới sức ép của sự tham gia vào một trò chơi mới với luật chơi mới./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo kinh tế năm (2002), *Kinh tế Việt Nam 2002: Tư duy chính sách mới cho giai đoạn phát triển mới* (không xuất bản), Viện Kinh tế học, Hà Nội.
 2. Chử Văn Lâm, Nguyễn Thắng, và Nguyễn Văn Huân (2001), "Rủi ro và quản lý rủi ro trong nông nghiệp". *Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế* số 283.
 3. Đinh Phi Hồ (2003), *Kinh tế nông nghiệp: Lý thuyết và thực tiễn*, Nxb Thống kê, Thành phố Hồ Chí Minh.
 4. Đặng Như Vân (2003), "Xuất khẩu: Việt Nam nằm đâu trong chuỗi giá trị?", *Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế*, số 304, tr 26.
 5. Mishkin. F & Eakins. S (2003), *Financial Markets + Institutions* (4th edn), Electronic Publishing Service Inc., NewYork.
 6. Phạm Chí Quang & Nguyễn Việt Cường (1999), "Tác động của tỷ giá đối với cán cân thanh toán tại Việt Nam từ năm 1989 đến nay", *Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế*, số 259, tr 15.
 7. Nguyễn Trung Văn (2001), *Lúa gạo Việt Nam nước thiên niên kỷ mới hướng xuất khẩu*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Thuật ngữ được sử dụng trong tài liệu của Nguyễn Trung Văn (2001).